

**TÒA ÁNNHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 24-12-2018.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Trần Văn Thạnh.

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Đồ Ngọc Tuyên- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 197/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Lưu Thị A** (có mặt);

Địa chỉ: đường Q, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: **Ông Châu Quốc T** (vắng mặt).

Địa chỉ: đường Q, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2018, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị A trình bày:

- Vào năm 2003 bà Lưu Thị A và ông Châu Quốc T chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2007 thì đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2017 thì giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tài chính, ông T ngày càng có thái độ lơ là không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không làm tròn nghĩa vụ làm chồng làm cha dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hiện nay vợ chồng không còn

tình cảm với nhau nên bà A làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Châu Quốc T;

- Trong thời gian chung sống bà Lưu Thị A và ông Châu Quốc T có với nhau ba người con chung tên Châu Quốc B, sinh ngày 12/11/2007; Châu Bảo H, sinh ngày 22/01/2011; Châu Bảo M, sinh ngày 24/10/2015, hiện nay các cháu đang sống với bà A, Sau khi ly hôn bà Lưu Thị A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Châu Quốc T cấp dưỡng nuôi các con; Về tài sản chung, nợ chung thì vợ chồng bà A ông T không có.

- Tại biên bản ghi ý kiến cháu Châu Bảo H (nam), sinh ngày 22/01/2011 và cháu Châu Quốc B, sinh ngày 12/11/2007 cùng ngày 07/9/2018 thì cháu H, cháu B biết việc bà A yêu cầu ly hôn với ông T và có nguyện vọng được sống chung với bà A.

- Ông Châu Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập tham gia phiên tòa nhưng ông T đều vắng mặt và không có ý kiến trả lời cho Tòa án.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đối với nguyên đơn đã chấp hành tốt quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt khi Tòa án triệu tập là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật: Bà Lưu Thị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với ông Châu Quốc T, Địa chỉ: đường Q, khóm B, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên đây là tranh chấp ly hôn và nuôi con sau khi ly hôn. Do đó, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng: Ông Châu Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xử vắng mặt ông T.

[3] Về hôn nhân: Bà Lưu Thị A và ông Châu Quốc T xác lập quan hệ hôn nhân phù hợp với quy định, điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn

số 23/TP.P6, quyền số 01, ngày 12/3/2007 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000. Quá trình chung sống bà Lưu Thị A và ông Châu Quốc T có với nhau ba người con chung tên Châu Quốc B, sinh ngày 12/11/2007; Châu Bảo H, sinh ngày 22/01/2011; Châu Bảo M, sinh ngày 24/10/2015 nhưng không có tài sản chung và nợ chung. Sau thời gian chung sống hạnh phúc thì giữa vợ chồng phát sinh tranh chấp, thường xuyên cãi vã do vấn đề tài chính gia đình, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hiện nay bà A không còn tình cảm với ông T, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Đây là nguyên nhân làm cho hôn nhân của bà A và ông T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà A ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Theo trình bày của bà A tại phiên tòa thì ông T thường xuyên vắng nhà, không có việc làm ổn định và các cháu B, cháu H, cháu M hiện nay đang sống chung với bà A, bà A có việc làm thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử giao các cháu B, H, M cho bà A tiếp tục nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà A không yêu cầu ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Châu Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Lưu Thị A trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lưu Thị A là người có đơn xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 4, khoản 1 Điều 95, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lưu Thị A được ly hôn ông Châu Quốc T.

2. Về con chung: Giao các cháu Châu Quốc B, sinh ngày 12/11/2007; Châu Bảo H, sinh ngày 22/01/2011; Châu Bảo M, sinh ngày 24/10/2015 cho bà Lưu Thị A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi;

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Châu Quốc T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Châu Quốc T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Lưu Thị A trình bày không có, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lưu Thị A phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lưu Thị A đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002006 ngày 31/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND -TPST;
- TAND tỉnh ST;
- Chi cục THADS -TPST;
- UBND phường 6-TPST
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Trúc Phương

